

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 8) là ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên
Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Trần Chí Sơn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng
Ông Nguyễn Đăng Khoa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị Diệu Thu
Ông Trịnh Công Sơn
Ông Trịnh Công Tuyên

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		644.060.634.560	610.804.339.842
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	120.578.561.037	40.010.097.362
Tiền	111		10.578.561.037	6.010.097.362
Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		513.000.000.000	519.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	513.000.000.000	519.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.442.401.255	50.818.223.579
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.070.593.058	1.120.235.488
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		354.603.165	317.945.965
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	7.256.205.032	50.720.765.735
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(239.000.000)	(1.490.723.609)
Hàng tồn kho	140		55.482.620	55.482.620
Hàng tồn kho	141		55.482.620	55.482.620
Tài sản ngắn hạn khác	150		984.189.648	920.536.281
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		100.199.083	5.920.530
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		883.738.915	651.127.416
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(a)	251.650	263.488.335

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		346.553.961.479	319.045.220.223
Tài sản cố định	220		19.505.920.563	22.534.914.648
Tài sản cố định hữu hình	221	12	19.505.920.563	22.534.914.648
<i>Nguyên giá</i>	222		151.944.761.946	153.189.791.322
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(132.438.841.383)	(130.654.876.674)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		299.000.000	299.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(299.000.000)	(299.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		556.519.000	4.608.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		556.519.000	4.608.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		326.232.807.329	296.146.866.648
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	305.187.265.465	273.674.217.765
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	9(b)	7.933.556.527	8.794.739.646
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(16.649.926.990)	(16.084.003.090)
Tài sản dài hạn khác	260		258.714.587	358.830.927
Chi phí trả trước dài hạn	261		218.146.249	277.694.251
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		40.568.338	81.136.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		990.614.596.039	929.849.560.065

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		45.999.937.860	36.541.290.615
Nợ ngắn hạn	310		45.999.937.860	36.541.290.615
Phải trả người bán ngắn hạn	311		392.462.575	110.853.975
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.893.000	1.479.612.900
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(b)	3.363.002.349	1.803.693.902
Phải trả người lao động	314		596.792.186	407.935.444
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	181.496.250
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	5.934.580.038	6.119.093.932
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	1.717.912.318	1.546.218.240
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	32.525.295.394	24.892.385.972
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		944.614.658.179	893.308.269.450
Vốn chủ sở hữu	410	17	944.614.658.179	893.308.269.450
Vốn cổ phần	411	18	631.010.000.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		631.010.000.000	631.010.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		57.815.994.055	40.851.017.209
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		255.788.664.124	221.447.252.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		204.968.126.105	111.586.411.336
- LNST kỳ này	421b		50.820.538.019	109.860.840.905
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		990.614.596.039	929.849.560.065

Ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2021 VND	Quý 3/2020 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
				30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
01	20	828.291.147	942.818.948	2.605.487.903	2.662.876.177
11	21	630.484.392	596.304.425	1.622.408.193	1.711.371.846
20		197.806.755	346.514.523	983.079.710	951.504.331
21	22	7.527.026.456	8.844.437.527	73.150.970.948	77.104.776.970
22	-	-	1.326.111.459	565.923.900	2.065.109.140
26	23	3.260.030.569	1.848.763.795	9.985.390.554	6.565.448.025
30		4.464.802.642	6.016.076.796	63.582.736.204	69.425.724.136
31		382.627.499	378.990.636	1.156.369.575	912.315.123
32	24	1.316.923.538	2.529.008.763	2.981.021.251	2.683.118.211
40		(934.296.039)	(2.150.018.127)	(1.824.651.676)	(1.770.803.088)

(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2021 VND	Quý 3/2020 VND	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	3.530.506.603	3.866.058.669	61.758.084.528	67.654.921.048
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	152.929.997	1.016.025.234	1.928.639.039	3.429.848.402
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13.522.779	13.522.780	40.568.338	40.568.338
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	3.364.053.827	2.836.510.655	59.788.877.151	64.184.504.308

Ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	61.758.084.528	67.654.921.048
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	3.028.994.085	3.223.841.520
Các khoản dự phòng	03	737.617.978	(1.279.908.999)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(73.280.758.621)	(77.104.776.970)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(7.756.062.030)	(7.505.923.401)
Biến động các khoản phải thu	09	(1.106.867.048)	2.955.592.935
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	752.486.791	(1.207.074.381)
Biến động chi phí trả trước	12	(34.730.551)	(51.133.585)
		(8.145.172.838)	(5.808.538.432)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.027.082.085)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(849.579.000)	(257.599.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.021.833.923)	(6.066.138.351)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(551.911.000)	(1.157.626.818)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	72.727.273	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(934.000.000.000)	(939.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	940.000.000.000	638.066.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.068.160.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.336.500.000	5.092.024.086
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	117.801.141.325	117.648.374.784
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	90.590.297.598	(179.351.227.948)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	-	(37.443.894.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(37.443.894.270)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	80.568.463.675	(222.861.260.569)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	40.010.097.362	260.058.498.363
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	120.578.561.037	37.197.237.794

Ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tổng Công ty có 1 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 3 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/9/2021		1/1/2021	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (*)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	59,30%	32,52%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc	Tỉnh Khánh Hòa	-	-	33,75%	33,75%
2	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

(*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”). Ngày 4 tháng 2 năm 2021, MCM hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Ngoài ra, công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”) cũng đã ủy quyền cho Tổng Công ty đại diện toàn bộ 26,78% quyền biểu quyết của GTN tại MCM. Theo đó, Tổng Công ty xác định MCM tiếp tục là công ty con của Tổng công ty tại ngày và trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thanh lý công ty liên kết này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tổng Công ty có 20 nhân viên (1/1/2021: 18 nhân viên).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 30 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 3 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 2 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản (thuê hoạt động)

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của các công ty này.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại 1 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 Tổng Công ty đã thành lập 1 công ty con do Tổng Công ty và Sojitz Corporation lần lượt sở hữu 51% và 49% vốn điều lệ để kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi và chế biến thịt bò. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tổng công ty chưa hoàn thành thủ tục góp vốn vào Công ty con này.

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tổng Công ty cho giai đoạn quý III và 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	11.550.712	19.960.799
Tiền gửi ngân hàng	10.567.010.325	5.990.136.563
Các khoản tương đương tiền	110.000.000.000	34.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	120.578.561.037	40.010.097.362

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 3%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm (1/1/2021: từ 5,4%/năm đến 7,7%/năm).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/9/2021	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (*)	Tỉnh Sơn La	35.771.572	32,52%	59,30%	305.187.265.465			(***)
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	245.377	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)		(***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	491.658	36,00%	36,00%	3.318.973.219			(***)
					7.933.556.527	(4.614.583.308)		
Đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)		(***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	425.710	5,35%	5,35%	7.467.100.000			(***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(7.349.915.181)		(***)
					29.761.912.327	(12.035.343.682)		
					342.882.734.319	(16.649.926.990)		

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2021				Giá trị hợp lý VND
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu (*)	Tỉnh Sơn La	34.068.164	51%	51%	273.674.217.765
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	245.377	30,00%	30,00%	4.614.583.308
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	491.658	36,00%	36,00%	3.318.973.219
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (**)	Tỉnh Khánh Hòa	81.000	33,75%	33,75%	861.183.119
					8.794.739.646 (4.614.583.308)
Đơn vị khác					
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	425.710	5,35%	5,35%	7.467.100.000
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826
					29.761.912.327 (11.469.419.782)
					312.230.869.738 (16.084.003.090)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của MCM. Ngày 4 tháng 2 năm 2021, sau khi MCM hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, theo đó số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Ngoài ra, công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”) cũng đã ủy quyền cho Tổng Công ty đại diện toàn bộ 26,78% quyền biểu quyết của GTN tại MCM. Theo đó, Tổng Công ty xác định MCM tiếp tục là công ty con của Tổng công ty tại ngày và trong kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.
- (**) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thanh lý công ty liên kết này.
- (***) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/9/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	229.829.221	167.573.384
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.406.514.838	630.323.714
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu	239.000.000	239.000.000
Xây dựng Cát Linh	195.248.999	83.338.390
Các khách hàng khác		
	2.070.593.058	1.120.235.488

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	34.596.964.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.299.013.839	13.801.224.797
Phải thu người lao động	-	1.117.805.810
Phải thu về bán khoản đầu tư vào công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	391.691.193	168.071.128
	<hr/>	<hr/>
	7.256.205.032	50.720.765.735
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	123.593.610.156	25.254.415.004	132.701.454	4.209.064.708	153.189.791.322
Thanh lý	(1.245.029.376)	-	-	-	(1.245.029.376)
Số dư cuối kỳ	122.348.580.780	25.254.415.004	132.701.454	4.209.064.708	151.944.761.946
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	107.508.667.308	19.984.215.213	132.701.454	3.029.292.699	130.654.876.674
Khấu hao trong kỳ	2.143.799.227	1.962.178.169	-	221.663.415	4.327.640.811
Điều chỉnh trong kỳ	(1.498.984.840)	200.338.114	-	-	(1.298.646.726)
Thanh lý	(1.245.029.376)	-	-	-	(1.245.029.376)
Số dư cuối kỳ	106.908.452.319	22.146.731.496	132.701.454	3.250.956.114	132.438.841.383
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	16.084.942.848	5.270.199.791	-	1.179.772.009	22.534.914.648
Số dư cuối kỳ	15.440.128.461	3.107.683.508	-	958.108.594	19.505.920.563

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 62.828 triệu VND (1/1/2021: 61.750 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Trong tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 12.780 triệu VND (1/1/2021: 14.599 triệu VND).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/9/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	251.650
Thuế nhà đất	263.236.685	-	(263.236.685)	-
	263.488.335	-	(263.236.685)	251.650

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/9/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	73.278.538	348.487.792	(363.966.526)	57.799.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.027.082.085	1.928.639.039	(1.027.082.085)	1.928.639.039
Thuế thu nhập cá nhân	46.554.277	225.598.006	(244.372.937)	27.779.346
Thuế nhà đất	656.779.002	2.634.043.957	(1.943.038.799)	1.347.784.160
Các loại thuế khác	-	10.000.000	(9.000.000)	1.000.000
	1.803.693.902	5.146.768.794	(3.587.460.347)	3.363.002.349

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhận kí quỹ, kí cược ngắn hạn	135.000.000	-
Kinh phí công đoàn	165.838.700	139.081.420
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.633.741.338	5.980.012.512
	<hr/>	<hr/>
	5.934.580.038	6.119.093.932
	<hr/>	<hr/>

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	24.892.385.972	19.815.491.400
Trích lập trong kỳ	8.482.488.422	5.565.557.491
Sử dụng trong kỳ	(849.579.000)	(257.099.919)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	32.525.295.394	25.123.948.972
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	631.010.000.000	31.575.087.921	164.288.498.115	826.873.586.036
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	64.184.504.308	64.184.504.308
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	9.275.929.288	(9.275.929.288)	-
Cổ tức	-	-	(37.860.600.000)	(37.860.600.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.565.557.491)	(5.565.557.491)
Số dư tại ngày 30/9/2020	631.010.000.000	40.851.017.209	175.770.915.644	847.631.932.853
Số dư tại ngày 1/1/2021	631.010.000.000	40.851.017.209	221.447.252.241	893.308.269.450
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	59.788.877.151	59.788.877.151
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (*)	-	16.964.976.846	(16.964.976.846)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(8.482.488.422)	(8.482.488.422)
Số dư tại ngày 30/9/2021	631.010.000.000	57.815.994.055	255.788.664.124	944.614.658.179

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2021 ngày 19 tháng 3 năm 2021, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 10.986.084.091 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 5.493.042.045 VND. Đại hội đồng Cổ đông cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với số tiền là 600 VND/cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian chi trả. Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021, Hội đồng Quản trị chưa quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian chi trả cổ tức.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/9/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.101.000	631.010.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	631.010.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	631.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Chi tiết vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/9/2021 và 1/1/2021	
	VND	%
Công ty Cổ phần GTNfoods	470.031.360.000	74,49%
Các cổ đông khác	160.978.640.000	25,51%
	631.010.000.000	100,00%

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Cổ tức được chia	51.102.245.700	51.223.746.000
Lãi tiền gửi và cho vay	21.573.408.367	25.625.218.722
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	475.316.881	255.812.248
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	73.150.970.948	77.104.776.970

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.504.501.110	2.578.792.038
Chi phí khấu hao	358.750.518	352.314.959
Thuế, phí và lệ phí	1.835.928.531	2.240.521.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.604.480.002	2.512.413.177
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí bằng tiền khác	681.730.393	581.405.882
	9.985.390.554	6.565.448.025

24. Chi phí khác

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	2.294.138.013	2.412.629.963
Chi phí khác	686.883.238	270.488.248
	2.981.021.251	2.683.118.211

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ	2.605.487.903	2.662.876.177

21. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.622.408.193	1.711.371.846

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.504.501.110	2.578.792.038
Chi phí khấu hao	730.436.616	811.211.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.792.843.851	6.005.859.306
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.700.000.000)
Chi phí khác	580.017.171	580.956.970

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.928.639.039	3.429.848.402
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	40.568.338	40.568.338
	1.969.207.377	3.470.416.740

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.758.084.528	67.654.921.048
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	12.351.616.906	13.530.984.210
Chi phí không được khấu trừ	664.599.200	512.330.115
Thu nhập không bị tính thuế	(10.220.449.140)	(10.244.749.200)
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(274.205.479)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(53.942.905)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 30%	(826.559.588)	-
	1.969.207.377	3.470.416.741

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	550.548.842	305.725.259
Mua cổ phần	34.068.160.000	-
Cổ tức được chia	53.657.358.000	85.170.410.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	360.000.000	225.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	306.000.000	297.000.000

28. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	150.000.000	-

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn quý III và 9 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

